



Vấn đề bảo tồn di sản gia tộc trong truyện ngắn *Giữa vật chất này* của Nguyễn Ngọc Tư

The preservation of lineage heritage in the short story *Giữa vật chất này*
by Nguyễn Ngọc Tư

Ngô Văn Công^{a*}
Ngo Van Cong^{a*}

^aTrường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 280 An Dương Vương, Phường 4, Quận 5,
Thành phố Hồ Chí Minh

^aHo Chi Minh City University of Education, 280 An Duong Vuong Street, Ward 4, District 5, Ho Chi Minh City,
Viet Nam

(Ngày nhận bài: 13/02/2025, ngày phản biện xong: 08/04/2025, ngày chấp nhận đăng: 15/04/2025)

Tóm tắt

Bài báo nghiên cứu về vấn đề bảo tồn di sản gia tộc trong truyện ngắn *Giữa vật chất này*, thuộc tập truyện ngắn *Trôi* của nhà văn Nguyễn Ngọc Tư. Truyện ngắn này khắc họa một không gian di sản độc đáo - một ngôi nhà cổ được bảo tồn một cách tỉ mỉ bởi một cặp vợ chồng. Câu chuyện tập trung vào cuộc đấu tranh giữa việc gìn giữ truyền thống và sự xâm nhập của thế giới hiện đại. Bằng phương pháp phân tích - tổng hợp, liên ngành, vấn đề bảo tồn di sản gia tộc được làm rõ qua ba phương diện: di sản gia tộc và sự gắn bó của con người, các mối đe dọa với di sản gia tộc, xung đột giữa việc bảo tồn di sản gia tộc và khát vọng tự do. Nghiên cứu này không chỉ góp phần giải mã những lớp nghĩa văn hóa - xã hội trong sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư mà còn mở ra góc nhìn về sự chuyển dịch tâm lý con người trước áp lực của hiện đại hóa.

Từ khóa: bảo tồn; di sản; gia tộc; *Giữa vật chất này*; Nguyễn Ngọc Tư; *Trôi*.

Abstract

The article studies the preservation of lineage heritage in the short story *Giữa vật chất này*, which is part of the short stories *Trôi* by Nguyễn Ngọc Tư. This short story portrays a unique heritage space - an ancient house meticulously preserved by a married couple. The story focuses on the struggle between preserving tradition and the intrusion of the modern world. Through analytical-synthetic and interdisciplinary methods, the issue of lineage heritage preservation is clarified through three aspects: lineage heritage and human attachment, threats to lineage heritage, and the conflict between preserving lineage heritage and the desire for freedom. This research not only contributes to decoding the socio-cultural layers in Nguyễn Ngọc Tư's writing but also opens up a perspective on the psychological shift of people under the pressure of modernization.

Keywords: preserve; heritage; lineage; *Giữa vật chất này*; Nguyễn Ngọc Tư; *Trôi*.

1. Đặt vấn đề

Di sản gia tộc đang dần bị xói mòn và mai một, trở thành nỗi lo chung của nhiều gia đình

Việt Nam, đặc biệt là trong bối cảnh đô thị hóa và toàn cầu hóa diễn ra nhanh chóng. Theo *Từ điển tiếng Việt* của Hoàng Phê, di sản là “tài sản

*Tác giả liên hệ: Ngô Văn Công
Email: vancongwfhb@gmail.com

của người chết để lại, cái của thời trước để lại” [1; 246]. Hay Laurajan Smith đã giới thuyết về di sản như sau: *“Di sản là những gì chúng ta làm với quá khứ, là một quá trình văn hóa gắn với việc tạo lập ý nghĩa trong hiện tại”* [2; 6]. Di sản còn được hiểu là *“những giá trị vật chất, giá trị tinh thần, giá trị tự nhiên và tài sản mà thế hệ trước đã tích lũy, gìn giữ và để lại cho thế hệ sau”* [3]. Từ đó, di sản có hai nghĩa: nghĩa rộng, là những gì đã có từ trước (bao gồm giá trị vật chất và tinh thần); nghĩa hẹp, là tài sản của mỗi gia tộc được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác (hay còn được gọi là di sản gia tộc). Thực trạng của vấn đề bảo tồn di sản gia tộc đặt ra nhiều vấn đề đáng quan ngại. Đó là sự đứt gãy trong việc truyền dạy và tiếp nhận các giá trị văn hóa gia tộc giữa các thế hệ. Đặc biệt, thế hệ đi trước cũng xuất hiện những tư tưởng thoát ly khỏi những ràng buộc từ việc bảo tồn di sản.

Nguyễn Ngọc Tư, một nhà văn Nam Bộ giàu nội lực, đã phản ánh một cách sâu sắc về sự chuyển biến văn hóa và các vấn đề di sản gia tộc trong các sáng tác của mình, đặc biệt là trong truyện ngắn *Giữa vật chất này*. Qua những trang viết, nhà văn cho thấy sự đan xen giữa truyền thống và hiện đại, giữa sự bảo tồn và sự thay đổi. Đó không chỉ đơn thuần là lời kể về hiện tại và quá khứ, mà còn là những suy ngẫm sâu sắc về bản sắc và sự chuyển biến của văn hóa đồng bằng Nam Bộ, về thách thức và cơ hội duy trì bản sắc văn hóa gia đình Việt Nam đương đại và vai trò của di sản gia tộc trong định hình bản sắc cá nhân và cộng đồng.

2. Nội dung

2.1. Di sản gia tộc: Từ sự gắn bó đến nỗi ám ảnh bảo tồn

Trong truyện ngắn *Giữa vật chất này*, di sản là ngôi nhà *“sau cánh cổng gang đúc hoa văn chim hạc”* mà chồng bà Ngò thừa kế trong di chúc của mẹ ông: *“Ai xứng đáng với cơ ngơi này hơn người không lúc nào rời xa nó”* [4; 86]. Đây là ngôi nhà cổ chứa đựng những đồ vật cổ, có giá trị cao.

Nhiều đồ đạc trong nhà không được định giá trị chính xác, tuy nhiên món đồ giá trị nhất trong nhà là *“cái trường kỷ cẩm lai hơn trăm tuổi này giờ bạc tỷ, đâu có ít”* [4; 86]. Ngôi nhà còn xuất hiện nhiều *“vật chất quý giá”* như cái bình sứ men lam cuối đời Khang Hy, thảm nhung, bức tranh chữ Phúc nạm ngọc, ngói âm dương, tủ cẩm lai, ghế cẩm thạch, giường thất bảo lát đá cẩm thạch bảy màu và những món đồ gỗ khảm xà cừ. Những món đồ này là minh chứng cho lịch sử và truyền thống lâu đời của gia tộc. Ngoài ra, di sản còn bao gồm *“khu vườn với những hào rãnh bao quanh”* [4; 92] trồng xoài và vú sữa.

Ngôi nhà là không gian sinh hoạt chung của gia tộc. Tuy các anh chị em ruột của chồng bà Ngò đều lập gia đình riêng nhưng bóng dáng của họ vẫn còn hiện hữu trong ngôi nhà. Họ là người chị thứ hai mắc bệnh loãng xương *“lúc nào ghé qua nhà ông em cũng lấy gì đó của gia chủ, không mì gói, hành tỏi thì cũng đường cát, đậu xanh”* [4; 87], người chị thứ ba mê đánh bài tứ sắc thâu đêm suốt sáng, người em trai kể mê đá gà *“thỉnh thoảng mất mặt trước khi chủ nợ tới tìm”* [4; 86], người em gái út mê phẫu thuật thẩm mỹ với *“giao diện tùy biến theo diễn viên nổi tiếng”* [4; 86]. Đó còn là không gian thực hành văn hóa thờ cúng tổ tiên, đặc biệt khi cúng giỗ, các thành viên trong gia tộc tề tựu đông đủ để làm lễ, ăn uống và trò chuyện với nhau.

Trách nhiệm bảo tồn di sản thuộc về vợ chồng bà Ngò, chính vì thế cuộc đời của họ gắn bó chặt chẽ với di sản. Việc vợ chồng bà cự tuyệt những thứ tân thời không chỉ là bảo vệ vật chất mà còn là bảo vệ một không gian tinh thần, một *“bản sắc văn hóa”* truyền thống trước sự xâm lấn của hiện đại. Vợ chồng bà Ngò cố gắng giữ gìn và bảo vệ di sản, *“bảo bọc chúng không lúc nào xao nhãng”* [4; 90]. Họ luôn trăn trở về những việc làm để bảo tồn di sản một cách tốt nhất: *“Thợ mộc ở xưởng nào bậc thầy về mộng gỗ để mời về sửa tủ cẩm lai, loại sơn lót nào bám dính tốt vào sắt tây, loại thuốc dưỡng bóng nào vực dậy vườn*

xoài đang xuống sức” [4; 92]. Cuộc sống của vợ chồng bà “*mấy chục năm nay cứ tuyệt những thứ tân thời, để bảo vệ không gian cổ xưa nguyên bản*” [4; 96]. Nhiều lúc, họ bảo tồn di sản một cách thái quá, “*thiệt không biết ai là chủ luôn, đồ đạc hay con người*” [4; 86]. Đó là việc “*chỗ bàn thờ ngó ra, nơi bà đi vào thấp nhang luôn nhón chân và mỗi vết xước trên từng món đồ gỗ ở đó đều như thể xước lên da dày mình*”, “*dạt ra sống bên nhà vuông, chỗ hồi xưa dành cho người làm*”, “*chái bếp họ che riêng, xa đằng sau, để khói không ám vào tường vách vào mái ngói, những thứ buộc phải sẫm như tử lạnh, ti-vi thì đưa ra lẩm, dây điện dẫn vào nhà phụ cũng đi vòng từ góc vườn, tuyệt tránh giăng qua gian chính*”, thậm chí họ còn “*rón rén hết cỡ, ti-vi mở thì thảo, điện thoại nhỏ chuông, và xe máy luôn được dắt ra khỏi cổng*” [4; 96]. Sự tận tụy của họ với việc bảo tồn di sản đã trở thành nỗi ám ảnh, thay đổi căn bản cách họ sống và tương tác với môi trường xung quanh, ảnh hưởng lớn đến chất lượng cuộc sống của chủ nhân di sản.

Di sản gia tộc còn gắn chặt với di sản văn hóa của cộng đồng. Theo quan niệm của nhà văn đặt vào suy nghĩ của nhân vật (chủ yếu là nhân vật bà Ngò), rằng sự gắn bó của con người với di sản gia tộc không chỉ mang nghĩa vật chất mà còn là những gắn kết, tạo sinh giá trị tinh thần, trong đó có giá trị văn hóa cộng đồng. Thông qua việc gìn giữ ngôi nhà và các tập tục gắn liền với nó, bà Ngò đang tham gia vào việc bảo tồn và tiếp nối các giá trị văn hóa của cộng đồng lớn hơn. Bà am hiểu và trân trọng sự tinh xảo của “*đồ gỗ khảm xà cừ, dát vàng cần bạc*”, “*bình sứ men lam cuối đời Khang Hy*”, “*bức tranh chữ Phúc nam ngọc*” [4; 89]. Đó là những thứ đại diện cho một thời kì văn hóa, nghệ thuật của cộng đồng. Việc bà đều đặn “*lên nhà chính đơm lửa vô cái đèn hột vịt lù tà mù chong trên bàn thờ, thấp nhang cho người đã khuất*” [4; 97] là hành động duy trì một tín ngưỡng, một tập tục văn hóa quan trọng của cộng đồng (thờ cúng tổ tiên). Đây không chỉ là một hành động tôn kính tổ tiên mà

còn là sự duy trì một giá trị tinh thần, một nét đẹp văn hóa cộng đồng về lòng biết ơn và sự tưởng nhớ, tạo nên sự gắn kết giữa các thế hệ. Thậm chí, ý nghĩ “*mấy đứa đó lớn lên chắc cũng không nên thân gì, thứ con nít quỳ*”, bà nghĩ, “*sau để cái nhà này lại cho người dung còn hơn*” [4; 88] còn thể hiện mong muốn di sản gia tộc sẽ được trao cho người trân trọng những giá trị tinh thần và văn hóa mà nó mang lại, đảm bảo sự tiếp nối của những giá trị này trong cộng đồng. Như vậy, những hành động và suy nghĩ của bà Ngò cho thấy sự gắn bó với di sản gia tộc là quá trình tạo sinh và gìn giữ những giá trị tinh thần, những giá trị văn hóa cộng đồng được trao truyền và tái tạo qua từng thế hệ, làm phong phú đời sống tinh thần của cả gia đình và cộng đồng.

Tóm lại, di sản gia tộc trong truyện ngắn *Giữa vật chất này* không chỉ giới hạn ở ngôi nhà cổ với những cổ vật giá trị vật chất cao, mà còn là không gian sinh hoạt, gắn kết các thành viên gia đình và là nơi thực hành tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên - một nét văn hóa cộng đồng quan trọng. Trách nhiệm bảo tồn di sản này đã đặt lên vai vợ chồng bà Ngò một sự gắn bó sâu sắc, khiến cuộc đời họ xoay quanh việc gìn giữ di sản. Sự tận tụy này, dù xuất phát từ lòng trân trọng, đã dần trở thành nỗi ám ảnh qua việc sống tách biệt và thực hiện những hành động bảo tồn đôi khi thái quá, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sống. Di sản gia tộc trong truyện không tồn tại biệt lập mà có mối liên hệ với giá trị văn hóa cộng đồng. Nó được cộng đồng nhận diện, chịu sự tác động của các giá trị và xung đột chung trong cộng đồng liên quan đến việc bảo tồn, kế thừa và ứng xử với văn hóa.

2.2. Những mối đe dọa đến di sản trước tác động của con người

Sự phá hoại của con người là tác nhân chính dẫn đến sự xuống cấp của di sản. Những đứa cháu bên chồng của bà Ngò đã nghịch phá, “*bôi dơ tường vách, làm mẻ vôi sứt gọng mấy món đồ sứ cổ, mang cả giày lên bộ đi vắng cấm thạch*” [4; 88] hay “*để lại đống mảnh vụn của cái bình*

sứ men lam cuối đời Khang Hy, mấy vũng nước đái trên ghế tựa bọc nhung, vết nứt hình mạng nhện ngay mặt kiếng bọc bức tranh chữ Phúc nam ngọc” [4; 89]. Điều này gợi mở về tầm quan trọng của việc giáo dục thế hệ trẻ về việc trân trọng và giữ gìn di sản gia tộc. Việc người con trai của vợ chồng bà Ngò trở thành “cha nhà thờ Cù Lao” (theo đạo Thiên Chúa) càng nhấn mạnh sự xung đột giữa tín ngưỡng truyền thống và tôn giáo, tạo ra khoảng cách văn hóa không thể hàn gắn.

Khi thế hệ trước dần qua đi, thế hệ trẻ lớn lên với những giá trị và lối sống mới, khoảng cách giữa con người với di sản ngày càng xa. Họ không còn hiểu được ý nghĩa sâu xa của những món đồ cổ, không còn cảm nhận được giá trị tinh thần ẩn chứa trong di sản gia tộc. Di sản dần trở nên xa lạ và mất đi sức sống trong tâm thức con người, giống như cách người con trai trong câu chuyện từ bỏ gia đình để theo đạo “*làm cha nhà thờ Cù Lao*” và “*những lần về thăm nhà nhưng không thấp cho ông bà nén nhang, cự tuyệt ăn đồ cúng*” [4; 88]. Hành động từ bỏ gia đình của người con trai phản ánh sự đứt gãy trong việc kế thừa văn hóa và giá trị truyền thống.

Tranh giành di sản không chỉ là cuộc xung đột về vật chất mà còn là sự hủy hoại những giá trị vô hình đã gắn kết con người với lịch sử và kí ức của gia tộc. Tác phẩm phơi bày mối đe dọa thâm độc của lòng tham - thứ âm thầm phá hủy giá trị tinh thần mà di sản đã tạo nên qua bao thế hệ. Khi những người thừa kế khát khao sở hữu phần “cơ ngơi” hiển hiện qua gỗ quý, đồ cổ, họ vô tình biến di sản thành những toan tính và tranh đấu gia tộc. Căn nhà trở thành nơi sản sinh lòng tham và sự đố kỵ, “*những kẻ ngoài mặt luôn tỏ ra không thiết tha nhưng bụng luôn thòm thèm gia sản mà chồng bà được thừa kế*” [4; 86]. Sự xâm thực của tham vọng khiến di sản mục ruỗng từ bên trong khi “*chị em chồng bà thỉnh thoảng đưa con cháu họ tới gạ nhận nuôi*” [4; 89]. Bà Ngò trở thành kẻ đơn độc chống lại sự xói mòn kép - vừa gánh nỗi lo vật chất tàn phai, vừa chứng kiến tình thân bị

di sản biến thành lưỡi dao. Vấn đề nan giải được đặt ra trong tác phẩm là ngôi nhà ấy còn đủ sức che chở cho phần “hồn” của một giai đoạn lịch sử, một nếp sống, thế giới quan đang bị tan rã bởi những bàn tay tranh đoạt.

Nhìn chung, tác phẩm phơi bày sự xuống cấp của di sản gia tộc từ hành vi phá hoại của con người, từ thế hệ trẻ phá hủy đồ cổ, thờ ơ nghi lễ truyền thống đến thế hệ thừa kế biến di sản thành nơi tranh giành vật chất, đánh mất giá trị tinh thần. Khoảng cách thế hệ và lòng tham khiến di sản mục ruỗng cả về hiện vật lẫn mối quan hệ gia tộc, đặt ra vấn đề về giáo dục ý thức bảo tồn. Việc giữ gìn di sản là giữ “phần hồn” lịch sử gia tộc, đòi hỏi sự thấu hiểu quá khứ để tương lai không đánh mất bản sắc.

2.3. Sự xung đột giữa việc bảo tồn di sản và khát vọng tự do

Sự xuất hiện của những chiếc vé tàu làm nổi bật xung đột giữa việc bảo tồn di sản và khát vọng tự do. Nguồn gốc của hai chiếc vé tàu đầu tiên trong truyện ngắn *Giữa vật chất này* là việc người bưu tá gửi đến nhà của bà Ngò hai phong thư (tổng cộng là hai lần giao, mỗi lần giao là một phong thư, ngày giao phong thư thứ hai cách phong thư thứ nhất là 12 ngày). Phong thư mỏng dính, mới nguyên và bí ẩn: “*Bên trong bao thư bọc một vé tàu ghi tên chồng mình, chi tiết cả ngày sinh tháng đẻ*”, “*cả hai vé đều là chữ in hoa trên một bề mặt trắng ngà, lộn cợn bột giấy, nửa con dấu đỏ chói với trên dây răng cưa nơi rìa trái. Dòng chữ nhỏ lập lòe dưới cùng ghi rằng đây là loại vé không thể trả, hoàn*” [4; 85]. Vé đầu tiên có điểm đến từ Chợ Cũ đến nhà ga Lục Mộc, vé thứ hai chỉ có điểm đến mang tên Bình Lam. Bên cạnh đó, những chiếc vé xuất hiện trong bao tải của ông già ve chai đem đến nhà bà Ngò. Bao tải đó chứa đựng những chiếc vé đã qua sử dụng, “*hoặc bị xé nửa chừng hoặc cắt góc hoặc rách đôi*” [4; 94]. Chiếc vé trở thành biểu tượng cho khao khát được trải nghiệm, được khám phá của con người, đồng thời là cầu nối giữa thế giới bên trong và thế giới bên ngoài di sản.

Việc bảo tồn di sản từ lâu đã ngăn cách chồng bà Ngò với thế giới bên ngoài, bởi lẽ “không một giềng mối nào giữa ông với thế giới bên ngoài cánh cổng, nơi ông không còn lui tới từ sau học xong đệ tử, cả khi lấy vợ, bởi ông cưới cô gái mồ côi đang ở mướn ngay trong nhà mình, đặn song thân qua đời thì cũng hạ huyết chỗ miếng đất cuối vườn nên đâu cần đưa tang xa, lúc bầu cử người ta mang thùng phiếu tới tận ở” [4; 85]. Ông “không có bà thì ông - một kẻ lập dị rúc trong vườn, nhà - chẳng thể nào biết được đám tang giờ họ hay diễn hài kịch eo xèo ngay trước lúc di quan, xóm bến tàu cũ bị một thằng cha ghiền lửa đốt rụi, dân Kiểng Cò bán dừa một chục tận hai mươi bốn trái, ngoài chợ chuộng xây nhà kiểu Tây nhưng chớp nhọn, tường vách đắp nổi phượng, rồng” [4; 91]. Khi nhận được hai phong thư chứa đựng hai chiếc vé, ông đã lộ rõ “vẻ như ghê sợ, biểu cảm hết những lần nhận được thiệp cưới họ hàng gửi tới” [4; 85]. Hai chiếc vé tàu vừa là một lời mời gọi đầy khiêu khích và gợi sự tò mò cho người chồng. Tuy nhiên, ông đã “phủi tay quên bỏ (hoặc tỏ ra không để tâm) đôi vé chính ông xé đôi liệng ra hố rác sau nhà” [4; 86]. Sự kiện này đã đảo lộn những trật tự cũ của người chồng. Những suy nghĩ về các địa danh xa xôi cứ vang lên trong đầu khiến ông “thao láo đo đếm bao xa” [4; 90], đó là “Bình Lam gì đó, nó ở đâu ta?” [4; 90] và “Lục Mộc nữa. Nó sao?” [4; 93]. Những câu hỏi cho thấy sự hoang mang của ông với những địa danh mới. Ngay khi được nghe những câu giải đáp đầy sức hấp dẫn từ ông già ve chai, chồng bà Ngò đã “lân la gần chỗ ông già (hành động này cũng hiếm khi, ông có xu hướng tránh dạt kẻ lạ ghé qua nhà: những nhân viên quản lý di sản, đội bao xài mướn, hay người của vựa trái cây)” [4; 93]. Khi được ông già ve chai cho những chiếc vé đã qua sử dụng, ông thường xuyên “lút trong đống giấy, hoặc tìm mảnh thất lạc của mảnh ông đang cầm trên tay, hoặc tìm những tấm vé ghi tên cùng một nơi chốn đến, vượt phẳng chúng, đôi khi ngửi thật lâu mặt đực xa

xôi” [4; 97]. Ông dần thân vào hành trình kiểm bản ngã “ông bắt đầu nhìn vào mặt tủ bàn mỗi khi lau chùi sáng bóng, nhưng không phải ngắm vân gỗ ánh lên mà vào chính gương mặt mình trong ấy” [4; 97]. Đây là sự giằng xé giữa con người cũ (gắn với di sản) và con người mới (tiềm thức muốn thoát ly).

Đối với bà Ngò, việc bảo tồn di sản không chỉ là trách nhiệm mà còn là cách để níu giữ chồng và khẳng định vị thế của mình. Vì vậy, khi nhận được hai phong thư của người bưu tá, bà muốn “bóc nó ra thật nhanh rồi tống khứ, hoặc ra hố rác hoặc vào hộc bàn, cho khuất mắt” [4; 84]. Bà có suy nghĩ rằng những chiếc vé được mang đến nhà mình là “hẳn phải có một âm mưu nào nhằm vào nhà mình” [4; 85] do những người anh chị em của chồng bà Ngò gửi đến nhằm toan tính lừa ông đi nơi khác để chiếm đoạt di sản. Những lá thư còn là biểu tượng cho sự bất an muôn thuở của bà Ngò với nỗi sợ bị bỏ rơi, bị xóa mờ, như số phận đã từng cướp đi gia đình bà trong đêm vượt sông định mệnh. Khi ông thắc mắc về những vùng đất xa xôi, bà đau đớn, “hổ thẹn và vô vọng, bà vờ như vẫn đang sống sánh chiêm bao, cố ý hé miệng một khoảng sao cho môi lay động thật tự nhiên theo nhịp thở. Bà không biết gì về Bình Lam” [4; 90]. Đặc biệt, bà nhận ra rằng “nhìn vẻ mặt như thể vỡ mộng của chồng, bà cảm giác có gì đó tuột trôi không thể vãn hồi” [4; 92]. Bà tìm mọi cách để “ông chồng khỏi trôi đi mất” [4; 95]. Bà cố gắng tạo ra tiếng động “đem mấy cái gióng tre treo trong bếp ra sân giữ xuống gạch bông một bầy mối ú ỉm. Bà vỗ búa vào cái tủ chén long mộng. Bà trộn xăng vào mấy miếng xốp, và mùi hóa chất nồng hăng của hỗn hợp ấy neo ông trở lại thực tại: chút nữa phải trèo trét lại mấy chỗ dột trên mái tôn nhà lẫm” [4; 95]. Việc bà xem di sản như một thứ ràng buộc người chồng hé lộ một sự cô đơn tận cùng, đó là bà đánh đồng việc giữ chồng với việc giữ lấy bản sắc cá nhân trong một xã hội mà địa vị phụ nữ gắn chặt với vai trò của người đàn ông. Tuy nhiên, đến cuối cùng, bà đã có ý định thoát

ly qua việc hồi cố. Bà Ngò nhớ về tuổi thơ cơ cực và hành trình trôi nổi của gia đình bà: “*Bà nhớ cái đêm qua Cái Lớn, lân tinh cũng trắng mặt sông. Hơi nước mặn trên từng lỗ chân lông. Ba bà chèo đặng sau, nhìn từ mũi ghe bà chỉ thấy được đóm thuốc lập lòe trên một hình khối chắc nịch, dày hơn đêm. Chỗ má ngời sáng hơn do gần cái lồng đèn, đứa em trai vui nửa mặt vào vú má, mặt má thì khuất sau cái nhìn phía hàng cây ven bờ như nghe ngóng gì đó, chột gáy má thẳng thót, “coi bộ sắp giông, mình nhắm qua sông kịp không?”*”. Rồi đèn tắt phụt, gió hợp cùng sóng nhào trộn, giăng ném chiếc ghe - khoảnh khắc đó nó ọp ẹp như một món đồ chơi thấm hại, bà văng vào bóng tối mặn, và từ mở mắt nhìn trời lần nữa, bà chưa từng gặp lại ba má, đứa em” [4; 98]. Khát vọng tự do không đơn thuần chỉ là việc con người mong muốn rời bỏ nơi chốn cũ mà còn là việc đối diện với những phần khuất lấp của tâm hồn. Bà khao khát được trở về vùng đất xưa để tìm kiếm gia đình, mong muốn “*người nhận được mấy cái vé kia là mình mới phải*” [4; 98]. Đó là khoảnh khắc bà nhận ra mình mới là kẻ lưu đày - bị mắc kẹt giữa hiện tại và quá khứ. Sự chuyển hóa từ nạn nhân của hoàn cảnh sang chủ thể khao khát tái thiết đời sống được thể hiện rõ nét: Bà không còn muốn giữ chồng bằng di sản, mà muốn giải phóng chính mình bằng cách trở về nguồn cội, dù đó là hành trình đối mặt với nỗi đau “không thể vãn hồi”.

Xung đột giữa bảo tồn di sản và khát vọng tự do trong truyện ngắn được thể hiện sâu sắc qua nỗi niềm của hai nhân vật: người chồng bị giăng xé giữa căn tính gắn liền với di sản và tiềm thức muốn thoát li, còn bà Ngò đấu tranh giữa nỗi sợ mất chồng và khao khát ngấm được giải phóng chính mình. Những chiếc vé tàu là biểu tượng của tự do đã phơi bày mâu thuẫn không thể hòa giải giữa việc duy trì trật tự cũ và nhu cầu khám phá, đổi thay. Qua đó, tác giả phản ánh một nghịch lý: di sản vừa là nơi chốn lưu giữ bản sắc, vừa trở thành nơi giam hãm con người. Hành trình của người chồng (từ chối vé tàu đến ám ảnh

về những vùng đất xa lạ) và sự thức tỉnh muộn màng của bà Ngò (từ việc cố thủ trong di sản đến mong ước giải mã quá khứ) cho thấy tự do không chỉ là thoát khỏi không gian vật chất, mà còn là giải phóng tâm thức khỏi những định kiến, tổn thương và sự đè nén của ký ức. Xung đột này, xét đến cùng, là cuộc đối thoại giữa sự bảo tồn và phá vỡ, giữa trạng thái tù túng, bất hòa và niềm khao khát dẫn thân - những mặt đối lập làm nên tính phức tạp của hành trình đi tìm ý nghĩa tồn tại trong cuộc đời con người.

3. Kết luận

Truyện ngắn *Giữa vật chất này* của Nguyễn Ngọc Tư đã phác họa một hiện thực đa chiều về vấn đề bảo tồn di sản trong bối cảnh xã hội đương đại. Qua không gian ngôi nhà cổ được gìn giữ tỉ mỉ bởi vợ chồng bà Ngò, tác phẩm đã làm nổi bật mối quan hệ phức tạp giữa con người với di sản - vừa là sự gắn bó máu thịt, vừa là gánh nặng tinh thần. Di sản không chỉ là những giá trị vật chất được lưu truyền qua thế hệ mà còn là biểu tượng của ký ức, bản sắc và những xung đột nội tại giữa gìn giữ truyền thống với khát vọng tự do. Sự bào mòn của thời gian, sự vô cảm của thế hệ trẻ, và lòng tham trong tranh giành quyền sở hữu đã phơi bày những thách thức nhức nhối trong hành trình bảo tồn. Đặc biệt, xung đột giữa việc duy trì di sản và khao khát thoát ly khỏi ràng buộc của nhân vật đã phản ánh nghịch lý sâu sắc. Qua đó, tác phẩm là một lời cảnh tỉnh về sự mong manh của di sản trong dòng chảy thời đại, đòi hỏi sự cân bằng giữa lưu giữ những giá trị truyền thống và tiếp nhận những tư tưởng hiện đại.

Tài liệu tham khảo

- [1] Phê, H. (1998). *Từ điển tiếng Việt*. Hà Nội: Nxb Đà Nẵng.
- [2] Smith, L. (2006). *Uses of Heritage*. New York: Routledge Publisher.
- [3] Hương, N. (2023). *Di sản là gì? Di sản gồm những loại hình nào?*. Truy cập ngày 10/2/2025, từ: <https://luatvietnam.vn/linh-vuc-khac/di-san-la-gi-883-96189-article.html>
- [4] Tư, N.N. (2023). *Trôi*. TP. Hồ Chí Minh: Nxb Trẻ.